

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

## **0.b. Target**

Mục tiêu 9.1: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, chất lượng, đáng tin cậy, có khả năng chống chịu và bền vững, bao gồm cả cơ sở hạ tầng liên vùng và biên giới để hỗ trợ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân với mục tiêu tiếp cận công bằng và trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (mục tiêu 9.1 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 9.1.1. Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển

## **0.d. Series**

9.1.1 Proportion of the rural population who live within 2 km of an all-season road [9.1.1]  
(SP\_ROD\_R2KM)

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Tổng cục Thống kê

## **1.f. Contact mail**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

## **1.g. Contact email**

banbientap@gso.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

a) Số lượt hành khách vận chuyển

Là số hành khách thực tế đã vận chuyển trong kỳ, bất kể độ dài quãng đường vận chuyển là bao nhiêu. Đơn vị tính là lượt hành khách.

## b) Số lượt hành khách luân chuyển

Là số lượt hành khách được luân chuyển tính theo cả hai yếu tố: Số lượt vận chuyển và cự ly (quãng đường) vận chuyển thực tế. Đơn vị tính là hành khách - Kilômét (Hk.Km).

## 2.b. Unit of measure

Số lượt hành khách vận chuyển: lượt người

Số lượt hành khách luân chuyển: lượt người.km

## 2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

## 3.a. Data sources

- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể;
- Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi.

## 3.b. Data collection method

Chỉ tiêu được lồng ghép thu thập qua 2 cuộc điều tra nêu trên. Đây là những cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Hàng năm, Tổng cục Thống kê phối hợp với các bộ, ngành liên quan để thực hiện các cuộc điều tra trên và tổng hợp số liệu của chỉ tiêu.

\* Điều tra vận tải kho bãi:

- Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 08 đến ngày 12 hàng tháng
- Đối tượng, đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, HTO và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp, kho bãi, đại lý và dịch vụ khác hỗ trợ cho vận tải thuộc tất cả các ngành đường.
- Nội dung điều tra: Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải;

\* Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể:

- Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 10.
- Đối tượng, đơn vị điều tra: Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).
- Nội dung điều tra: Số cơ sở và lao động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn, doanh thu, nộp ngân sách; Thông tin chuyên ngành;

### **3.d. Data release calendar**

Năm.

### **3.e. Data providers**

Tổng cục Thống kê

### **3.f. Data compilers**

Tổng cục Thống kê

## **4.a. Rationale**

Chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh vận chuyển và luân chuyển hành khách của các loại hình kinh tế trong một thời gian nhất định, là cơ sở đánh giá tình hình vận chuyển, luân chuyển hành khách trong kỳ, đồng thời là một trong những nguồn thông tin quan trọng cho công tác quản lý, lập kế hoạch vận chuyển, luân chuyển hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của dân cư.

## **4.c. Method of computation**

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Số lượt hành khách luân chuyển (Hk.Km)} = \text{Số lượt hành khách vận chuyển (Hk)} \times \text{Cự ly vận chuyển thực tế (Km)}$$

Trong đó:

Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường tính giá vé đã được cơ quan có thẩm quyền quy định.

Đối với xe khách cho thuê theo hợp đồng vận tải chuyển thì lượt hành khách vận chuyển của mỗi hợp đồng chỉ tính 1 lần hành khách vận chuyển theo số ghế phương tiện.

## **5. Data availability and disaggregation**

- Số liệu có sẵn hàng năm từ 2010-2019
- Số liệu có sẵn, đầy đủ hàng năm cho các phân tổ: Ngành vận tải, loại hình kinh tế; vùng; tỉnh/thành phố.

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

## **6. Comparability/deviation from international standards**

Chỉ tiêu “Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển” là một trong những chỉ tiêu tương ứng với chỉ tiêu SDG toàn cầu “9.1.2. Passenger and freight volumes, by mode of transport”. Nội dung của chỉ tiêu Việt Nam và toàn cầu giống nhau do vậy số liệu của Việt Nam bảo đảm so sánh quốc tế.

Phạm vi chỉ tiêu Việt Nam bao trùm chỉ tiêu toàn cầu. Chỉ tiêu toàn cầu chỉ tính số lượt hành khách luân chuyển. Việt Nam tính cả hành khách vận chuyển và luân chuyển.

## ***7. References and Documentation***

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>